

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-02-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Hữu

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST- HNGĐ ngày 04/12/2019 về việc tranh chấp về yêu cầu ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**

Cư trú tại: Khu 01, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn G**

Cư trú tại: Thôn 02, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có mặt, anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và bị đơn là anh Lê Văn G kết hôn với nhau vào ngày 18/10/2016 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại xã V được một thời gian thì chuyển về xã N. Hai bên sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G chơi bời cờ bạc, không chịu khó làm ăn. Bên cạnh đó, do có sự chênh lệch về tuổi tác nên vợ chồng bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã. Hai bên sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau.

Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh G.

- Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc M – sinh ngày 26/9/2017. Hiện đang ở cùng với chị T. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con cùng.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn G.

- Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc M - sinh ngày 26/9/2017. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

- Về tài sản chung, về vay nợ chung: Chị T không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T cư trú tại khu 01, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Lê Văn G cư trú ở thôn 02, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn G hiện vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn 02, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết, anh G không có mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt các quyết định, thông báo của Tòa án cho anh G theo quy định của pháp luật. Ông Lê Hữu T (bố đẻ của anh G) cung cấp thông tin đều nhận giấy báo của Tòa án và đều đã thông báo lại cho anh G. Anh G biết việc chị T xin ly hôn và Tòa án đang thụ lý giải quyết nhưng không lên Tòa án để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh G tiếp tục vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn G kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Hai bên chung sống hòa thuận đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Anh G thiếu chĩn chu và không có trách nhiệm với gia đình. Hai bên đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Xác minh tại gia đình và chính

quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, mỗi người một nơi.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn nữa. Việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Ngọc M, tính đến thời điểm xét xử, cháu M được 28 tháng 19 ngày tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật HNGĐ 2014 quy định *‘Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.’*

Xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu M được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân chị T làm ở xưởng gỗ, có thu nhập và nhà cửa ổn định. Mẹ đẻ chị T là bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị hỗ trợ chị trong việc nuôi dạy cháu. Trong khi đó, anh G chỉ thỉnh thoảng có mặt tại địa phương, biết việc chị T đề nghị việc giải quyết nuôi con nhưng không có quan điểm, từ bỏ quyền lợi của mình. Do vậy, cần giao cháu M cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu là hợp tình, hợp lý.

Việc chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này, nếu chị T và anh G có đơn đề nghị, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1-Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn G.

2-Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc M – sinh ngày 26/9/2017. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

3-Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2017/0003381 ngày 04/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai Linh